TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43 /2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 01/6/2020.
V/v:“ Xin ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập
2. Bà Phạm Hồng Gái

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa***: Không

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 424/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 10 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST -HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐ-HPT, ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp T T, xã TL, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp MK, xã SB, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương thì chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2003, đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, ngày 29/5/2013 được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013 (quyển 1). Trong những năm đầu sau khi cưới và đến thời điểm kết hôn chị H và anh T sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2014 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cãi vã anh T đuổi chị ra khỏi nhà nên chị H đưa con về sống với gia đình mẹ ruột ở An Giang và sống ly

thân từ đó cho đến nay. Ngày 10 tháng 8 năm 2019 chị làm đơn yêu cầu giải quyết việc gia đình và được tổ hòa giải ấp MK, xã SB giải quyết chị yêu cầu anh T và cha mẹ chồng đến nói chuyện với cha mẹ ruột chị thì chị sẽ hàn gắn tuy nhiên anh T và gia đình chồng không thực hiện, hiện tại chị H và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hằng yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung :* Quá trình hôn nhân chị và anh T có 01 người con chung là cháu Lê Thị Gia M, sinh ngày 03/11/2010, hiện cháu M đang do chị nuôi dưỡng, ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung :* Chị H trình bày chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không trình bày và không có yêu cầu gì thêm.

** Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 424 ngày 18/10/2019; Thông báo về phiên họp khiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T đã trực tiếp ký nhận nhưng không có bản khai trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

* Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T ; Về quan hệ con chung : Giao cháu Lê Thị Gia M, sinh ngày 03/11/2010 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên anh T vắng mặt nên không có lời khai về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong

vụ án này; Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Hằng phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn và nuôi con với bị đơn Lê Văn T, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình "ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố dụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, qua thời gian tự tìm hiểu yêu thương nhau, chị H và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/5/2013 (Số 41, quyển 1) nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký (29/5/2013) và được pháp luật bảo vệ.

Chị H trình bày trong quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, nên đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay, từ đó không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ, tuy nhiên anh T vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất thì chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Tg xác nhận chị H và anh T có mâu thuẫn gia đình và đã sống ly thân đã được hòa giải tại địa phương nhưng không thành.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*

Hội đồng xét xử xét thấy , tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Lê Văn T.

[3.2] Về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Quá trình chung sống chị H xác nhận chị và anh T có 01 người con chung là cháu Lê Thị Gia M, sinh ngày 03/11/2010, khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu M do chị Hg trực tiếp nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện để nuôi con, cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng việc tiếp tục gia o cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng : Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của chị H là tự nguyện, quyền lợi của con chung vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền được thăm no m, chăm sóc giáo dục con chung: Anh Lê Văn T được quyền thăm nom , chăm sóc giáo dục con chung chị H và những người khác không được quyền cấm cản.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét , giải quyết. Anh T vắng mặt nên không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình : Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Thị Gia M, sinh ngày 03/11/2010 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về quyền được thăm nom , chăm sóc giáo dục con chung : Anh Lê Văn T được quyền thăm nom , chăm sóc giáo , dục con chung chị H và những người khác không được quyền cấm cản.

3. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009062 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòn Đất
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Phúc